

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIỆT GOLF H.I.O**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIỆT GOLF H.I.O

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET GOLF H.I.O SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET GOLF H.I.O

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109496668

**3. Ngày thành lập:** 15/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 1002, tầng 10, toà nhà D10 Lake View Building, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906181836

Fax:

Email: vietgolfhio@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết:<br>Hoạt động đại lý bảo hiểm<br>Căn cứ Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm         | 6622     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức các sự kiện hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm thương mại, biểu diễn nghệ thuật.                                                                                                | 8230     |
| 3.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động hướng dẫn du lịch<br>- Hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi điều hành tua                                                              | 7912     |
| 4.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự | 5510     |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                                  | 5610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5621        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                                                                                                                           | 5229        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác                                                                  | 4933        |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao<br>- Vận tải hành khách bằng taxi<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt) | 4931        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 11. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4763        |
| 12. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7721        |
| 13. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7911        |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7990        |
| 15. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời như bể bơi, sân vận động, sân golf,...                                                                                                                                                                                                    | 9311        |
| 16. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao<br>Chi tiết: Câu lạc bộ chơi golf                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9312(Chính) |
| 17. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Chi tiết: Dịch vụ huấn luyện chơi golf                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8551        |
| 18. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                   | 6820        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ đấu giá hàng hóa)                                                             | 4610 |
| 20. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán) | 6619 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                     | 8299 |
| 22. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                | 7020 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 400.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG | Phòng 903 Toà nhà hỗn hợp, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 120.000    | 1.200.000.000         | 30,000    | 013345168                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                           | Tổng số                   | 120.000    | 1.200.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                              |                           |         |               |        |              |  |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐỖ THỊ THU HÀ     | 12/267/30 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 140.000 | 1.400.000.000 | 35,000 | 026178000031 |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 140.000 | 1.400.000.000 | 35,000 |              |  |
|   |                   |                                                                                              |                           |         |               |        |              |  |
| 3 | BÙI THỊ LAN HƯƠNG | Phòng 1205 nhà CTM 299 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 026184000101 |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần phổ thông         | 140.000 | 1.400.000.000 | 35,000 |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 140.000 | 1.400.000.000 | 35,000 |              |  |
|   |                   |                                                                                              |                           |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ THỊ THU HÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *10/01/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *026178000031*

Ngày cấp: *10/06/2014*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *12/267/30 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *12/267/30 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội